

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**SÔNG ĐÀ 11**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 46

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 số 0500313811 ngày 05 tháng 7 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được chuyển đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ và cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc, trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 024 33 545 735
- Fax : 024 33 542 280

### Các Đơn vị trực thuộc :

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà Máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

### Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2019
Ông Trần Văn Ngự	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2019
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2019
Ông Phạm Viết Cường	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2019
Ông Phạm Minh Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2019
Ông Dương Hoài Nam	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2019

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Vũ Hải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2019
Bà Hà Hồng Nhung	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2019
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2019
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2019
Ông Đặng Xuân Thu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2019

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2019
		Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 9 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tuấn (từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 26 tháng 6 năm 2019 và từ ngày 05 tháng 7 năm 2019 đến nay) và Ông Nguyễn Văn Sơn (từ ngày 27 tháng 6 năm 2019 đến ngày 04 tháng 7 năm 2019).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



**Lê Văn Tuấn**

Ngày 28 tháng 3 năm 2020

11  
NH  
NG  
HIỆ  
AN  
&  
H.  
ĐÀ

Số: 2.0270/20/TC - AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

002  
NH  
TY  
HUU  
TU  
C  
NOI  
TP

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2020



**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

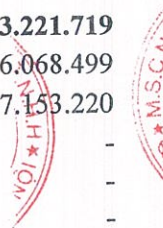
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>398.529.125.536</b>	<b>544.197.680.425</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>55.682.735.599</b>	<b>164.758.969.328</b>
1. Tiền	111		55.682.735.599	91.758.969.328
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	73.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>739.890.000</b>	<b>1.249.440.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.872.000.000	2.112.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.132.110.000)	(862.560.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>245.309.608.128</b>	<b>289.032.697.494</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	192.909.248.891	206.571.326.283
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.908.575.093	27.728.285.636
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	18.795.400.000	34.032.798.508
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	35.805.597.255	32.711.286.914
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(12.109.213.111)	(12.010.999.847)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>96.431.788.728</b>	<b>88.123.351.884</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	96.431.788.728	88.123.351.884
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>365.103.081</b>	<b>1.033.221.719</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	224.657.158	276.068.499
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		140.445.923	757.153.220
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>662.015.307.075</b>	<b>451.169.255.838</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.252.362.895</b>	<b>5.394.047.793</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	15.252.362.895	5.391.547.793
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	2.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>83.373.501.242</b>	<b>87.747.970.378</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	72.709.884.242	77.514.033.378
<i>Nguyên giá</i>	222		189.274.860.318	188.174.320.495
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(116.564.976.076)	(110.660.287.117)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	10.663.617.000	10.233.937.000
<i>Nguyên giá</i>	228		10.663.617.000	10.233.937.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>730.207.815</b>	<b>425.454.545</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	730.207.815	425.454.545
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>562.372.204.720</b>	<b>357.107.204.720</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	562.372.204.720	357.107.204.720
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>287.030.403</b>	<b>494.578.402</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	287.030.403	494.578.402
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.060.544.432.611</b>	<b>995.366.936.263</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>475.179.218.635</b>	<b>573.721.381.978</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>365.110.674.043</b>	<b>500.723.994.151</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	33.721.145.293	109.021.769.792
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	63.960.158.161	139.833.642.954
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	5.445.508.343	18.558.289.021
4. Phải trả người lao động	314		8.068.028.928	11.479.580.322
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	10.100.420.605	20.408.732.153
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.500.000	31.500.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	47.066.355.755	17.523.539.744
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	195.469.117.882	182.026.758.494
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.272.439.076	1.840.181.671
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>110.068.544.592</b>	<b>72.997.387.827</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	32.101.099.302	10.080.706.986
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	2.475.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	75.492.445.290	62.916.680.841
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>585.365.213.976</b>	<b>421.645.554.285</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>585.365.213.976</b>	<b>421.645.554.285</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		183.100.010.000	115.531.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		183.100.010.000	115.531.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		67.964.007.623	34.366.527.623
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		194.731.566.175	186.497.236.164
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		139.569.630.178	85.250.740.498
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		50.029.901.682	85.250.740.498
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		89.539.728.496	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.060.544.432.611</b>	<b>995.366.936.263</b>

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngu

Lê Văn Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	563.628.896.283	685.761.539.053
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		563.628.896.283	685.761.539.053
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	448.937.165.906	565.617.104.933
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		114.691.730.377	120.144.434.120
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	46.931.211.989	24.622.077.959
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	22.423.724.323	17.487.392.270
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.315.475.108	14.622.123.663
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	40.612.579.714	39.160.201.331
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		98.586.638.329	88.118.918.478
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.794.885.827	14.977.181.285
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.394.089.915	651.614.016
13. Lợi nhuận khác	40		1.400.795.912	14.325.567.269
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		99.987.434.241	102.444.485.747
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	10.447.705.745	17.193.745.249
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>89.539.728.496</u>	<u>85.250.740.498</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		99.987.434.241	102.444.485.747
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	8.006.561.862	8.869.656.361
- Các khoản dự phòng	03		367.763.264	(3.620.626.359)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	1.837	(7.259)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(46.438.686.946)	(24.371.360.091)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	19.315.475.108	14.622.123.663
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		81.238.549.366	97.944.272.062
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.716.189.789	(6.828.382.229)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.308.436.844)	(34.488.282.245)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(137.736.937.694)	62.724.221.853
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		258.959.340	192.712.322
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		240.000.000	110.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.940.544.130)	(14.130.143.402)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(21.631.495.014)	(15.230.572.442)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(1.920.250.000)	(1.539.454.545)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(89.083.965.187)</b>	<b>88.754.371.374</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.507.165.996)	(3.470.916.461)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		193.454.545	227.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(25.012.798.508)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.237.398.508	4.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(205.265.000.000)	(111.961.560.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		46.245.232.401	24.047.375.035
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(147.096.080.542)</b>	<b>(111.470.627.207)</b>

11/2019/12/31

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20	101.166.440.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	439.152.113.270	410.279.877.227
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(413.133.989.433)	(340.377.945.049)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(80.750.000)	(26.661.662.975)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>127.103.813.837</i>	<i>43.240.269.203</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(109.076.231.892)</b>	<b>20.524.013.370</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>164.758.969.328</b>	<b>144.234.948.699</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.837)	7.259
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>55.682.735.599</b>	<b>164.758.969.328</b>

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Lê Văn Tuấn

HỌ TÊN / CHỨC VỤ / CHỖ

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

*Các Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	138 Tôn Đức Thắng, Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,10%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gleì	Làng Đăk Nhoong, xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Gleì, tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện thương phẩm	89,9%	89,9%	89,9%
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời	Nha Mé, Xã Phong Phú, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,96%	99,96%	99,96%

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Nhà máy Thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 508 cán bộ nhân viên đang làm việc, trong đó lao động thời vụ là 98 (số đầu năm là 638 nhân viên, trong đó lao động thời vụ là 128).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

##### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

##### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- + Đối với công trình đầu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{cuối năm} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{đầu năm} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh phát sinh} \\ \text{trong năm} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \\ \text{trong năm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{trong năm} \end{array} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong năm}$$

- + Đối với các công trình khác

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối năm} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối năm} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

##### *Chi phí sửa chữa văn phòng*

Chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

315  
NH  
NG  
HIỆM  
C N Y  
&  
I H  
9A

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

Riêng máy móc thiết bị của Nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 12. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu bán điện thương phẩm*

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận khi người mua xác nhận sản lượng điện tiêu thụ, và không còn tồn tại nhiều yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo.

11/02  
Y  
TU  
TU  
01  
1P

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 15. **Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### 16. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 17. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.882.900.474	1.047.471.135
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.799.835.125	90.711.498.193
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng		73.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>55.682.735.599</u></b>	<b><u>164.758.969.328</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Số CP</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Số CP</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	7.500	75.000.000	-	31.500	315.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	179.700	1.797.000.000	(1.132.110.000)	179.700	1.797.000.000	(862.560.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>187.200</u></b>	<b><u>1.872.000.000</u></b>	<b><u>(1.132.110.000)</u></b>	<b><u>211.200</u></b>	<b><u>2.112.000.000</u></b>	<b><u>(862.560.000)</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội có giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính là 664.890.000 VND (số đầu năm: 934.440.000 VND).

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 giảm do các cá nhân ủy thác bán 24.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 240.000.000 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	862.560.000	1.671.210.000
Trích lập dự phòng bổ sung	269.550.000	
Hoàn nhập dự phòng		(808.650.000)
Số cuối năm	<u>1.132.110.000</u>	<u>862.560.000</u>

### 2b. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long <sup>(i)</sup>	47.381.773.480		47.381.773.480	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông <sup>(ii)</sup>	57.250.000.000		57.250.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn <sup>(iii)</sup>	35.594.689.000		35.594.689.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ <sup>(iv)</sup>	66.942.942.240		66.942.942.240	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei <sup>(v)</sup>	58.435.000.000		58.435.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời <sup>(vi)</sup>	296.767.800.000		91.502.800.000	
<b>Cộng</b>	<u>562.372.204.720</u>		<u>357.107.204.720</u>	

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai ngày 14 tháng 5 năm 2015, Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 70.000.000.000 VND. Trong đó, giá trị vốn đầu tư ban đầu của Công ty mẹ là 47.381.773.480 VND, giá trị tăng do đánh giá lại khi chuyển đổi hình thức sở hữu là 2.618.226.520 VND, lợi nhuận để lại tăng vốn góp là 20.000.000.000 VND.
- (ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.600.000 cổ phiếu, tương đương 70% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông.
- (iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.548.576 cổ phiếu, tương đương 56,71% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.
- (iv) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 65,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ.
- (v) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.843.500 cổ phiếu, tương đương 89,9% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- (vi) Theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2019 và Quyết định số 21/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 3 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt việc góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời, số tiền 202.790.000.000 VND, tương ứng 20.279.000 cổ phần và mua thêm 125.000 cổ phần của cá nhân với giá mua 2.475.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 28.490.000 cổ phần, tương đương 99,96% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời (Đầu năm, Công ty nắm giữ 8.086.000 cổ phần, tương đương 98,36% vốn thực góp).

### *Giá trị hợp lý*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa là 86.521.440.000 VND. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### *Tình hình hoạt động của các công ty con*

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời đã phát điện thương mại từ tháng 5 năm 2019. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### *Giao dịch với các công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông</i></b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp cho Công ty con (số năm trước là giảm doanh thu do cắt giảm khối lượng quyết toán công trình)	27.257.382	(623.195.836)
Doanh thu bán vật tư cho Công ty con		3.054.545
Lãi vay phải thu	457.562.990	491.137.018
Công ty con trả gốc vay		3.700.000.000
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long</i></b>		
<b><i>Giao dịch bán hàng</i></b>		
Doanh thu bán vật tư	3.726.527.750	32.151.888.127
Doanh thu xây dựng	796.619.538	18.420.337.886
Doanh thu điện nước, bảo vệ	166.414.104	106.204.452
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	426.394.204	403.033.941
Phí bảo hiểm	-	95.497.901
Doanh thu bán lịch	10.909.091	
<b><i>Giao dịch mua hàng</i></b>		
Chi phí xây lắp hoàn thành	19.495.866.031	124.237.806.823
Mua vật tư	978.613.523	
<b><i>Giao dịch khác</i></b>		
Cho công ty con vay	-	11.125.400.000
Lãi vay phải thu	779.769.680	188.870.995

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*****Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ***

Vay Công ty con	9.900.000.000	34.400.000.000
Lãi vay phải trả Công ty con	627.530.306	884.376.673
Cổ tức phải thu	9.192.903.000	20.548.842.000
Trả tiền vay vốn Công ty con	11.930.000.000	42.478.906.943

***Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei***

Doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp	14.383.112.470	104.875.744.516
Doanh thu bán vật tư, bảo hộ lao động		8.938.628
Doanh thu bán lịch		3.272.727
Chi phí điện phải trả		324.083.933
Tiền nhiên liệu máy phát		108.979.873
Vay vốn của Công ty con	8.641.152.383	
Trả tiền vay vốn	2.532.000.000	
Lãi vay phải trả	162.230.538	
Lãi vay phải thu		26.000.000
Góp vốn điều lệ bằng tiền		37.661.000.000

***Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời***

Doanh thu bán lịch	10.909.091	10.068.843
Doanh thu hoạt động xây dựng	172.377.999.748	86.161.385.086
Doanh thu thanh lý tài sản cố định		227.272.727
Cho công ty con vay		13.887.398.508
Thu hồi tiền cho vay	15.237.398.508	
Lãi vay phải thu		427.544.209
Vay vốn của Công ty con	40.000.000.000	
Trả gốc vay cho Công ty con	25.200.000.000	
Lãi vay phải trả	636.164.384	
Góp vốn vào Công ty con	202.790.000.000	70.000.000.000
Công ty con tạm ứng cổ tức 2019	31.339.000.000	

***Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn***

Chia cổ tức cho Công ty mẹ	4.258.291.200	
----------------------------	---------------	--

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****3. Phải thu của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>60.850.320.000</b>	<b>105.908.422.230</b>
Tổng Công ty Sông Đà	51.581.994.052	65.183.025.036
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long	8.766.449.838	8.377.248.614
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	501.876.110	3.240.686.239
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei		1.531.559.939
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời		27.575.902.402
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>132.058.928.891</b>	<b>100.662.904.053</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	1.500.000.000	2.500.000.000
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	14.215.107.132	2.468.380.338
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	30.707.585.787	37.236.247.561
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	19.444.106.181	4.620.833.911
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị điện Hà Nội	2.440.279.094	2.440.279.094
Công ty TNHH Cảng công ten nơ quốc tế Hải Phòng	6.416.918.472	24.981.000.794
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San		6.511.422.500
Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng		5.859.912.771
Công ty Cổ phần Thủy điện Long Tạo Điện Biên	23.089.046.036	
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	6.163.635.928	
BQL Dự án Phát triển điện lực	8.007.134.862	1.211.655.453
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nghĩa Tân	5.225.557.707	2.750.000.000
Các khách hàng khác	14.849.557.692	10.083.171.631
<b>Cộng</b>	<b><u>192.909.248.891</u></b>	<b><u>206.571.326.283</u></b>

**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu Tổng Công ty Sông Đà (bên liên quan).

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước cho các bên liên quan</i></b>	<b>5.033.945.460</b>	<b>4.976.504.282</b>
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long	5.033.945.460	4.976.504.282
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>	<b>4.874.629.633</b>	<b>22.751.781.354</b>
Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na	560.441.223	2.506.305.342
Công ty Cổ phần Việt Vương		4.559.931.964
Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh		4.997.194.355
Zhejiang Chint Electrics Co.,Ltd		3.544.530.000
Các nhà cung cấp khác	4.314.188.410	7.143.819.693
<b>Cộng</b>	<b><u>9.908.575.093</u></b>	<b><u>27.728.285.636</u></b>

5-0  
IAN  
T  
U H  
VÀ  
C  
IA P  
-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Là khoản cho các công ty con vay lãi suất 6,35%/ năm, thời hạn 12 tháng.

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	6.920.000.000		6.920.000.000	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	11.875.400.000		11.875.400.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời			15.237.398.508	
<b>Cộng</b>	<b>18.795.400.000</b>		<b>34.032.798.508</b>	

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>24.347.000</b>		<b>24.347.000</b>	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	24.347.000		24.347.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>35.781.250.255</b>		<b>32.686.939.914</b>	
Tạm ứng	16.381.580.758		12.638.963.807	
Phải thu của CBCNV	298.026.660		416.767.280	
Phải thu các đội công trình	895.395.784		877.829.224	
Phải thu tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	10.716.829.580		10.125.370.418	
Ký cược, ký quỹ	1.806.071.835		1.505.322.867	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.683.345.638		7.122.686.318	
<b>Cộng</b>	<b>35.805.597.255</b>		<b>32.711.286.914</b>	

**7. Nợ xấu**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
<i>Bên liên quan</i>	<b>16.133.651.691</b>		<b>16.133.651.691</b>	
Tổng Công ty Sông Đà				
Từ 2 đến 3 năm	14.946.502.158		14.946.502.158	
Trên 3 năm	1.187.149.533		1.187.149.533	
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>1.072.143.378</b>		<b>361.298.803</b>	
<b>Cộng</b>	<b>17.205.795.069</b>		<b>16.494.950.494</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	12.010.999.847	11.435.373.108
Trích lập dự phòng bổ sung	98.213.264	8.566.606.334
Hoàn nhập dự phòng		(7.799.649.082)
Giảm do xóa nợ		(191.330.513)
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.109.213.111</b>	<b>12.010.999.847</b>

12/12/2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.087.102.263		14.755.414.933	
Công cụ, dụng cụ	808.322.859		658.718.393	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	72.536.363.606		72.709.218.558	
<b>Cộng</b>	<b>96.431.788.728</b>		<b>88.123.351.884</b>	

(\*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình 500Kv Quảng Trạch - Dốc Sỏi	26.196.075.585	1.303.569.958
Công trình 110Kv Thanh Nghị - Hà Nam	6.862.069.543	48.193.636
Các công trình khác	39.478.218.478	71.357.454.964
<b>Cộng</b>	<b>72.536.363.606</b>	<b>72.709.218.558</b>

**9. Chi phí trả trước ngắn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	224.657.158	265.086.832
Chi phí bảo hiểm xe		4.981.667
Chi phí thuê nhà		6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>224.657.158</b>	<b>276.068.499</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà làm việc		353.518.111
Công cụ dụng cụ	210.094.987	141.060.291
Chi phí sửa chữa xe ô tô	76.935.416	
<b>Cộng</b>	<b>287.030.403</b>	<b>494.578.402</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số đầu năm	86.666.042.683	82.360.836.413	18.135.470.017	1.011.971.382	188.174.320.495
Mua trong năm		2.738.303.635		464.109.091	3.202.412.726
Thanh lý, nhượng bán		(30.000.000)	(1.503.213.812)	(304.709.091)	(1.837.922.903)
Giảm khác (*)		(263.950.000)			(263.950.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>86.666.042.683</b>	<b>84.805.190.048</b>	<b>16.632.256.205</b>	<b>1.171.371.382</b>	<b>189.274.860.318</b>

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

1.909.762.956	29.160.038.989	12.731.231.463	435.815.909	44.236.849.317
---------------	----------------	----------------	-------------	----------------

Chờ thanh lý

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	38.231.909.726	53.942.228.575	17.665.536.413	820.612.403	110.660.287.117
Khấu hao trong năm	3.495.134.848	3.876.677.422	386.393.042	248.356.550	8.006.561.862
Thanh lý, nhượng bán		(30.000.000)	(1.503.213.812)	(304.709.091)	(1.837.922.903)
Giảm khác (*)		(263.950.000)			(263.950.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>41.727.044.574</u></b>	<b><u>57.524.955.997</u></b>	<b><u>16.548.715.643</u></b>	<b><u>764.259.862</u></b>	<b><u>116.564.976.076</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	<u>48.434.132.957</u>	<u>28.418.607.838</u>	<u>469.933.604</u>	<u>191.358.979</u>	<u>77.514.033.378</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>44.938.998.109</u></b>	<b><u>27.280.234.051</u></b>	<b><u>83.540.562</u></b>	<b><u>407.111.520</u></b>	<b><u>72.709.884.242</u></b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 61.456.319.876 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

(\*) Tài sản cố định do đội trường làm mất trong quá trình thi công.

**11. Tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao.

Trong đó, quyền sử dụng đất tại địa chỉ BT03 – VT24 – Khu Đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội có giá trị theo sổ sách là 10.176.997.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Láng Hạ.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong năm</b>	<b>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Mua sắm tài sản cố định		3.474.412.726	(3.202.412.726)	272.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	425.454.545			425.454.545
<i>Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Phú Yên</i>	425.454.545			425.454.545
Sửa chữa lớn tài sản cố định		32.753.270		32.753.270
<b>Cộng</b>	<b><u>425.454.545</u></b>	<b><u>3.507.165.996</u></b>	<b><u>(3.202.412.726)</u></b>	<b><u>730.207.815</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****13. Phải trả người bán****13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>6.223.906.520</b>	<b>23.586.749.480</b>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	3.179.617.011	17.801.687.277
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gle	87.250.341	87.250.341
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	2.957.039.168	2.581.017.120
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	-	3.116.794.742
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>27.497.238.773</b>	<b>85.435.020.313</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	-	126.984.291
Công ty Cổ phần Thành Long	-	3.264.445.183
Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na	4.012.442.773	5.167.374.978
Công ty Cổ phần Đắc Nhuận	3.261.236.149	1.052.902
Các nhà cung cấp khác	20.223.559.851	76.875.162.959
<b>Cộng</b>	<b>33.721.145.293</b>	<b>109.021.769.792</b>

**13b. Phải trả người bán dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>18.971.053.766</b>	<b>4.659.138.575</b>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	14.067.845.665	2.703.285.051
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	2.681.148.551	
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	2.222.059.550	1.955.853.524
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>13.130.045.536</b>	<b>5.421.568.410</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Long	2.577.332.523	1.958.667.410
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hanaka	1.444.875.265	1.444.875.265
Công ty TNHH Cấp điện lực Kevil Việt Nam	1.444.875.247	1.444.875.247
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	4.036.609.671	
Các nhà cung cấp khác	3.626.352.830	573.150.488
<b>Cộng</b>	<b>32.101.099.302</b>	<b>10.080.706.986</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>47.115.831.599</b>
Tổng Công ty Sông Đà	-	5.912.115.456
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời	-	41.203.716.143
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>63.960.158.161</b>	<b>92.717.811.355</b>
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	10.626.752.291	14.123.735.613
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	5.445.385.525	18.582.553.847
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	30.206.395.186	37.129.737.014
BQL Dự án phát triển Điện lực	-	16.383.304.048
BQL Dự án lưới điện	14.117.877.929	
Các khách hàng khác	3.563.747.230	6.498.480.833
<b>Cộng</b>	<b>63.960.158.161</b>	<b>139.833.642.954</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.212.602.871	20.490.959.718	(22.141.773.715)	3.561.788.874
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.203.256.022	(1.203.256.022)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	14.672.421	(14.672.421)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.638.560.610	10.447.705.745	(21.631.495.014)	1.454.771.341
Thuế thu nhập cá nhân	153.422.528	359.145.946	(371.654.406)	140.914.068
Thuế tài nguyên	220.296.771	2.224.330.020	(2.219.892.567)	224.734.224
Thuế nhà đất	-	50.319.695	(50.319.695)	-
Phí môi trường rừng	15.139.944	516.513.456	(516.677.796)	14.975.604
Thuế bảo vệ môi trường	68.288.960	384.555.566	(404.520.294)	48.324.232
Các loại thuế khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	249.977.337	2.280.646.451	(2.530.623.788)	-
<b>Cộng</b>	<b>18.558.289.021</b>	<b>37.979.105.040</b>	<b>(51.091.885.718)</b>	<b>5.445.508.343</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Đồng thời, theo quy định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 quy định về thời điểm bắt đầu miễn, giảm thuế, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ Nhà máy Thủy điện Thác Trắng trong 04 năm (kể từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến năm 2019).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

49  
HI  
CÔ  
HN  
TO  
A  
TA  
31

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	99.987.434.241	102.444.485.747
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.209.823.064	747.614.016
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.209.823.064	747.614.016
Thu nhập chịu thuế	101.197.257.305	103.192.099.763
Thu nhập được miễn thuế (Cổ tức được chia)	(44.790.195.400)	(20.548.842.000)
Thu nhập tính thuế	56.407.061.905	82.643.257.763
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>11.281.412.381</b>	<b>16.528.651.553</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b>(1.156.641.040)</b>	<b>(1.135.888.770)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>10.124.771.341</b>	<b>15.392.762.783</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>322.934.404</b>	<b>1.800.982.466</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>10.447.705.745</b>	<b>17.193.745.249</b>

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp của từng hoạt động trong năm nay như sau:

	Các hoạt động khác	Nhà máy thủy điện Thác Tráng	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.426.727.414	11.560.706.827	99.987.434.241
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.204.119.495	5.703.569	1.209.823.064
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.204.119.495	5.703.569	1.209.823.064
- Các khoản điều chỉnh giảm			
Thu nhập chịu thuế	89.630.846.909	11.566.410.396	101.197.257.305
Thu nhập được miễn thuế	(44.790.195.400)		(44.790.195.400)
Thu nhập tính thuế	44.840.651.509	11.566.410.396	56.407.061.905
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>8.968.130.302</b>	<b>2.313.282.079</b>	<b>11.281.412.381</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>		<b>(1.156.641.040)</b>	<b>(1.156.641.040)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>8.968.130.302</b>	<b>1.156.641.039</b>	<b>10.124.771.341</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>322.934.404</b>		<b>322.934.404</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>9.291.064.706</b>	<b>1.156.641.039</b>	<b>10.447.705.745</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 10% giá tính thuế đơn vị tài nguyên (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ; cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 5% giá tính thuế đơn vị tài nguyên (x) sản lượng điện tiêu thụ trong kỳ. Giá tính thuế đơn vị tài nguyên nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) ban hành cho từng thời kỳ.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>636.164.384</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời - Chi phí lãi vay phải trả	636.164.384	
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>9.464.256.221</b>	<b>20.408.732.153</b>
Trích trước chi phí công trình	8.971.549.534	19.290.956.444
Chi phí lãi vay phải trả	492.706.687	1.117.775.709
<b>Cộng</b>	<b><u>10.100.420.605</u></b>	<b><u>20.408.732.153</u></b>

**17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.301.496.101</b>	<b>186.135.356</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa - Lãi vay phải trả	813.665.662	186.135.356
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei - Lãi vay phải trả	162.230.538	
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời	325.599.901	
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>45.764.859.654</b>	<b>17.337.404.388</b>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	278.195.893	-
Kinh phí công đoàn	341.046.975	481.119.982
Cổ tức phải trả	26.062.324.348	509.072.948
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	75.000.000	315.000.000
Phải trả các đội tiền khoán công trình	14.652.612.108	9.112.947.364
BQL DA các công trình điện Miền Bắc	504.858.137	504.858.137
BQL DA các công trình điện Miền Nam	1.312.587.193	1.363.371.065
Phải trả khác	2.538.235.000	5.051.034.892
<b>Cộng</b>	<b><u>47.066.355.755</u></b>	<b><u>17.523.539.744</u></b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**17b. Phải trả dài hạn khác**

Phải trả các cá nhân tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời, thời hạn thanh toán đến ngày 08 tháng 4 năm 2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****18. Vay ngắn hạn/dài hạn****18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>188.015.695.948</b>	<b>175.422.298.341</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây <sup>(i)</sup>	63.883.115.498	90.990.172.029
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung <sup>(ii)</sup>	15.279.235.305	28.886.641.088
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ <sup>(iii)</sup>	99.699.316.868	50.548.290.869
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân <sup>(iv)</sup>	9.154.028.277	4.997.194.355
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</b>	<b>7.453.421.934</b>	<b>6.604.460.153</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	1.163.421.934	1.859.460.153
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	600.000.000	1.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	5.690.000.000	3.545.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>195.469.117.882</u></b>	<b><u>182.026.758.494</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/177782/HĐTĐ ngày 11/11/2019 để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức tín dụng tối đa là 150.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức tới ngày 31/08/2020, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 7-7,3%/năm, cụ thể theo từng Giấy nhận nợ.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 48/2019-HĐCVHM/NHCT324-SD11 ngày 25/11/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức tín dụng tối đa là 70.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 15/11/2020, thời hạn vay cụ thể được ghi trên từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 8 tháng, lãi suất áp dụng từ 6,2-7,3%/năm, cụ thể trên từng Giấy nhận nợ.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng tín dụng số 1400LAV201901682 ngày 25/11/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh, hạn mức tín dụng tối đa là 112.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 25 tháng 11 năm 2020, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 7-8%/năm, cụ thể trên từng Giấy nhận nợ.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 47198.19.003.2605491.TD ký ngày 04/11/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây lắp, hạn mức tín dụng tối đa 90.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức tới hết ngày 16/10/2020, thời hạn vay không quá 9 tháng, lãi suất áp dụng từ 5,8-7,5%/năm, cụ thể trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản phải thu phát sinh từ hợp đồng số ADB-EVNHCMC-CLTC-W02/PPMB-PCC1&SONGDANo.11.SJC ký ngày 27 tháng 02 năm 2019 với Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Ban quản lý Dự án Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp vật tư thiết bị và xây dựng đường trên không 220kV dự

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

án Đường dây 220kV Cát Lái - Tân Cảng và khoản phải thu phát sinh từ Hợp đồng số 222/2018/HỆTCXD-BDADDL-KH ký ngày 14/11/2018 với Ban quản lý Dự án Phát triển Điện lực về việc thực hiện gói thầu số 01 - Xây lắp dự án đầu nối 110kV sau TBA 220kV Thanh Nghị.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	175.422.298.341	378.860.926.887		(366.267.529.280)	188.015.695.948
Vay dài hạn đến hạn trả	6.604.460.153		7.453.421.934	(6.604.460.153)	7.453.421.934
<b>Cộng</b>	<b>182.026.758.494</b>	<b>378.860.926.887</b>	<b>7.453.421.934</b>	<b>(372.871.989.433)</b>	<b>195.469.117.882</b>

**18b. Vay dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn các bên liên quan</b>	<b>30.979.152.383</b>	<b>12.100.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa <sup>(i)</sup>	10.070.000.000	12.100.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei <sup>(ii)</sup>	6.109.152.383	
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời <sup>(iii)</sup>	14.800.000.000	
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>44.513.292.907</b>	<b>50.816.680.841</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây <sup>(iv)</sup>	1.528.292.907	941.680.841
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ <sup>(v)</sup>	6.000.000.000	7.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai <sup>(vi)</sup>	36.985.000.000	42.675.000.000
<b>Cộng</b>	<b>75.492.445.290</b>	<b>62.916.680.841</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn

- (i) Khoản vay tín chấp với Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa theo Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 09/2018/SDD11 – HPD ngày 01 tháng 10 năm 2018 với lãi suất cho vay trong hạn 5,3%, thời hạn cho vay trung và dài hạn (tối thiểu 12 tháng). Mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Số tiền vay được hoàn trả 01 lần vào ngày đến hạn của khoản vay.
- (ii) Khoản vay tín chấp với Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei theo Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2019/SĐ11 – ĐG ngày 30 tháng 06 năm 2019, hạn mức vay tối đa 20.000.000.000 VND, thời hạn vay trung và dài hạn (tối thiểu 12 tháng), có thể trả trước hạn nếu bên cho vay có nhu cầu sử dụng. Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất cho vay thấp nhất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây cho Công ty vay. Mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Số tiền vay và lãi cho vay được hoàn trả 01 lần vào ngày đến hạn của khoản vay.
- (iii) Khoản vay tín chấp với Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời theo Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2019/SĐ11 – ĐMT ngày 18 tháng 09 năm 2019, hạn mức vay tối đa 50.000.000.000 VND, thời hạn 15 tháng kể từ ngày rút vốn, có thể trả trước hạn nếu bên cho vay có nhu cầu sử dụng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 7,2%, bằng lãi suất cho vay thấp nhất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây cho công ty vay. Mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Số tiền vay và lãi suất cho vay được hoàn trả 01 lần vào ngày đến hạn của khoản vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11%/năm và Hợp đồng tín dụng số 02/2018/177782/HĐTD ngày 02/10/2018, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 9,5%/năm để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải hình thành từ dự án và tín chấp bằng năng lực tài chính của Công ty và các nguồn thu hợp pháp khác mà Công ty là người hưởng thụ.
- (v) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng tín dụng số 1400LAV201701034/HĐTD ngày 24/7/2017 với lãi suất thả nổi có điều chỉnh được trả vào ngày 20 hàng tháng (lãi suất năm 2019 là 9,9%/năm). Thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để bù đắp một phần chi phí đã bỏ ra để mua trụ sở làm việc tại vị trí BT03 vị trí 24 khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 20 tháng 02 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất tại địa chỉ BT03 - VT24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (Xem thuyết minh số V.11).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 36/16/NHNT ngày 28 tháng 12 năm 2016, thời hạn vay 10 năm, lãi suất cố định 7,6%/năm áp dụng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (lãi suất năm 2019 là 9,8%/năm). Mục đích vay để hoàn vốn một phần chi phí đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Trắng (6MW). Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp Công trình Nhà máy Thủy điện Thác Trắng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	7.453.421.934	6.604.460.153
Trên 1 năm đến 5 năm	60.067.445.290	40.601.680.841
Trên 5 năm	15.425.000.000	22.315.000.000
<b>Cộng</b>	<b>82.945.867.224</b>	<b>69.521.140.994</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn các bên liên quan	12.100.000.000	58.541.152.383	(39.662.000.000)	-	30.979.152.383
Vay dài hạn ngân hàng	50.816.680.841	1.750.034.000	(600.000.000)	(7.453.421.934)	44.513.292.907
<b>Cộng</b>	<b>62.916.680.841</b>	<b>60.291.186.383</b>	<b>(40.262.000.000)</b>	<b>(7.453.421.934)</b>	<b>75.492.445.290</b>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.459.574.598		(531.300.000)	928.274.598
Quỹ phúc lợi	380.607.073	852.507.405	(888.950.000)	344.164.478
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		500.000.000	(500.000.000)	
<b>Cộng</b>	<b>1.840.181.671</b>	<b>1.352.507.405</b>	<b>(1.920.250.000)</b>	<b>1.272.439.076</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	154.587.970.079	60.185.109.585	364.670.657.287
Lợi nhuận trong năm trước				85.250.740.498	85.250.740.498
Trích lập các quỹ			31.909.266.085	(33.612.968.085)	(1.703.702.000)
Chia cổ tức				(26.572.141.500)	(26.572.141.500)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>115.531.050.000</b>	<b>34.366.527.623</b>	<b>186.497.236.164</b>	<b>85.250.740.498</b>	<b>421.645.554.285</b>
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	186.497.236.164	85.250.740.498	421.645.554.285
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	89.539.728.496	89.539.728.496
Trích lập các quỹ	-	-	8.234.330.011	(9.586.837.416)	(1.352.507.405)
Chia cổ tức	-	-	-	(25.634.001.400)	(25.634.001.400)
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	67.568.960.000	33.597.480.000	-	-	101.166.440.000
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>183.100.010.000</b>	<b>67.964.007.623</b>	<b>194.731.566.175</b>	<b>139.569.630.178</b>	<b>585.365.213.976</b>

(\*) Trong năm, Công ty đã chào bán 6.931.863 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu và các đối tác tiềm năng để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018. Số lượng cổ phiếu đã bán được là 6.756.896 cổ phiếu. Ngày 27 tháng 6 năm 2019 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 183.100.010.000 VND.

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	152.070.010.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	67.964.007.623	34.366.527.623
<b>Cộng</b>	<b>251.064.017.623</b>	<b>149.897.577.623</b>

**20c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.310.001	11.553.105
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.310.001	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	18.310.001	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.310.001	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	18.310.001	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận như sau:

	VND
• Chia cổ tức (1.400 đồng/ 01 cổ phần, tỉ lệ 14%)	: 25.634.001.400
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 8.234.330.011
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 852.507.405
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành công ty	: 500.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2019 thì số trích Quỹ đầu tư phát triển là 58.264.231.693 VND. Tuy nhiên do không đủ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo tài chính hợp nhất, nên Công ty tạm trích Quỹ đầu tư phát triển là 8.234.330.011 VND. Công ty sẽ xin ý kiến Đại hội đồng Cổ đông cho kỳ đại hội gần nhất.

#### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 21a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 62,36 USD (số đầu năm là 75,56 USD).

##### 21b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị Điện Hà Nội	12.156.428.764	12.156.428.764
Công ty Cổ phần Linh Linh	1.261.738.423	1.261.738.423
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000	1.326.185.000
Các đối tượng khác	5.155.896.950	5.155.896.950
<b>Cộng</b>	<b><u>19.900.249.137</u></b>	<b><u>19.900.249.137</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	18.928.189.669	18.246.669.776
Doanh thu hợp đồng xây dựng	524.336.088.744	621.323.917.521
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	20.364.617.870	46.190.951.756
<b>Cộng</b>	<b><u>563.628.896.283</u></b>	<b><u>685.761.539.053</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty chỉ phát sinh doanh thu xây lắp với Tổng Công ty Sông Đà, số tiền 517.447.727 VNĐ (năm trước không phát sinh giao dịch).

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện thương phẩm	5.606.115.425	5.963.413.701
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	426.697.831.916	516.123.942.417
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	16.633.218.565	43.529.748.815
<b>Cộng</b>	<b><u>448.937.165.906</u></b>	<b><u>565.617.104.933</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	226.018.204	2.520.943.819
Lãi tiền cho vay	1.455.037.001	1.133.552.222
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		4.705.977
Cổ tức, lợi nhuận được chia	44.790.195.400	20.548.842.000
Phí ủy thác đầu tư	24.000.000	11.000.000
Phí bảo lãnh	435.961.384	403.033.941
<b>Cộng</b>	<b><u>46.931.211.989</u></b>	<b><u>24.622.077.959</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	19.315.475.108	14.622.123.663
Phí bảo lãnh	2.809.812.878	3.603.309.245
Phí cam kết tín dụng	28.884.500	69.245.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	1.357.103
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.837	7.259
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	269.550.000	(808.650.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>22.423.724.323</u></b>	<b><u>17.487.392.270</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	26.549.504.864	22.906.117.176
Chi phí vật liệu quản lý	1.641.276.308	2.064.385.570
Chi phí đồ dùng văn phòng	458.674.693	717.196.723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.831.954.789	1.873.079.065
Thuế, phí và lệ phí	338.317.460	362.997.607
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	98.213.264	766.957.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.262.205.289	3.106.542.951
Các chi phí khác	6.432.433.047	7.362.924.987
<b>Cộng</b>	<b><u>40.612.579.714</u></b>	<b><u>39.160.201.331</u></b>

**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	193.454.545	227.272.727
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình		4.111.903.580
Hoàn nhập giá trị công trình không bị giảm trừ khi quyết toán		10.638.004.976
Tiền bồi thường	240.000.000	
Xử lý công nợ dư lâu ngày	2.286.139.692	
Thu nhập khác	75.291.590	2
<b>Cộng</b>	<b><u>2.794.885.827</u></b>	<b><u>14.977.181.285</u></b>

**7. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	662.382.460	613.614.016
Phạt hành chính		38.000.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	447.646.365	
Phạt vi phạm hợp đồng	4.979.270	
Chi phí khác	279.081.820	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.394.089.915</u></b>	<b><u>651.614.016</u></b>

**8. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	182.189.703.660	93.242.427.721
Chi phí nhân công	126.590.376.801	179.254.428.629
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.006.561.862	8.869.656.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.490.282.016	292.742.386.181
Chi phí khác	23.099.966.329	58.668.600.818
<b>Cộng</b>	<b><u>489.376.890.668</u></b>	<b><u>632.777.499.710</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	2.520.313.514	2.062.539.318
Thù lao	192.000.000	192.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.712.313.514</u></b>	<b><u>2.254.539.318</u></b>

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăk Glei	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời	Công ty con

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.7, V.13, V.14, V.17 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

### 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực Thủy điện: Bán điện thương phẩm.
- Lĩnh vực Đầu tư tài chính: Đầu tư vào các Công ty con để được hưởng cổ tức.
- Lĩnh vực khác: Cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	524.336.088.744	18.928.189.669		20.364.617.870	563.628.896.283
Doanh thu từ cổ tức được chia			44.790.195.400		44.790.195.400
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>524.336.088.744</b>	<b>18.928.189.669</b>	<b>44.790.195.400</b>	<b>20.364.617.870</b>	<b>608.419.091.683</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	97.638.256.828	13.322.074.244	44.790.195.400	3.731.399.305	159.481.925.777
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(40.612.579.714)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					74.079.150.663
Doanh thu hoạt động tài chính					2.141.016.589
Chi phí tài chính					(22.423.724.323)
Thu nhập khác					2.794.885.827
Chi phí khác					(1.394.089.915)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(10.447.705.745)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>89.539.728.496</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>3.381.343.406</b>	<b>122.064.284</b>		<b>131.327.536</b>	<b>3.634.735.226</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>7.937.896.328</b>	<b>286.552.863</b>		<b>308.298.873</b>	<b>8.532.748.064</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>					

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực thủy điện</u>	<u>Lĩnh vực đầu tư tài chính</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	621.323.917.521	18.246.669.776		46.190.951.756	685.761.539.053
Doanh thu từ cổ tức được chia			20.548.842.000		20.548.842.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>621.323.917.521</u></b>	<b><u>18.246.669.776</u></b>	<b><u>20.548.842.000</u></b>	<b><u>46.190.951.756</u></b>	<b><u>706.310.381.053</u></b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>105.199.975.104</u>	<u>12.283.256.075</u>	<u>20.548.842.000</u>	<u>2.661.202.941</u>	140.693.276.120
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(39.160.201.331)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					80.984.232.789
Doanh thu hoạt động tài chính					4.073.235.959
Chi phí tài chính					(17.487.392.270)
Thu nhập khác					14.977.181.285
Chi phí khác					(651.614.016)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(17.193.745.249)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b><u>85.250.740.498</u></b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b><u>2.929.556.655</u></b>	<b><u>86.033.470</u></b>		<b><u>217.791.407</u></b>	<b><u>3.233.381.532</u></b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b><u>8.675.987.404</u></b>	<b><u>254.791.217</u></b>		<b><u>644.997.085</u></b>	<b><u>9.575.775.706</u></b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>					

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:					
	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	365.288.058.101	40.515.501.013	562.372.204.720		968.175.763.834
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					92.368.668.777
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.060.544.432.611</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	190.379.219.899	324.898.293			190.704.118.192
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					284.475.100.443
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>475.179.218.635</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	395.109.767.810	43.673.114.271	357.107.204.720		795.890.086.801
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					199.476.849.462
<b>Tổng tài sản</b>					<b>995.366.936.263</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	298.478.244.907	261.828.393			298.740.073.300
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					274.981.308.678
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>573.721.381.978</b>

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

3. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**  
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngu

Lê Văn Tuấn

